ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2521 /UBND-TCKH	*Ngọc Hồi, ngày 05 tháng 8 năm 2021*

Về việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024

Kính gửi:

- Chi cục Thuế huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- Các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc UBND huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 2914/STC-QLNS ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Sở Tài chính về việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính Ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024; Công văn số 3024/STC-QLGCS ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán sữa chữa xe ô tô và trụ sở làm việc năm 2022,

Uỷ ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2021

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021

- Trên cơ sở dự toán ngân sách đã được giao đầu năm 2021, kết quả thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2021, trong đó tập trung làm rõ các thuận lợi, khó khăn nhất là tác động của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai và các xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số làm thay đổi phương thức sản xuất, mô hình kinh doanh,... của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi cục thuế huyện tiến hành rà soát, đánh giá kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN trên địa bàn năm 2021, khả năng thực hiện thu NSNN năm 2021; phân tích nguyên nhân các nguồn thu có tiến độ đạt thấp; địa bàn có nguồn thu biến động mạnh (*tăng, giảm*) từ đó kiến nghị giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện cao nhất dự toán thu NSNN trên địa bàn đã được Hội đồng nhân dân giao, làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2022 khả thi, đảm bảo tăng trưởng phù hợp và không bỏ sót nguồn thu theo quy định.

- Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2021. Xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2020, số nợ phát sinh và thu hồi được 6 tháng đầu năm 2021; tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số nợ thuế theo quy định (*nợ theo từng loại doanh nghiệp, từng sắc thuế và ở từng ngành, địa bàn*) đến thời điểm 30/6/2021; dự kiến số nợ thuế phấn đấu thu hồi và tỷ lệ nợ thuế so với

tổng thu đến ngày 31/12/2021.

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý thu NSNN; số thuế kiến nghị truy thu thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra và dự kiến số nộp vào NSNN trong năm;

- Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2021. Đánh giá các khoản thu giá dịch vụ giáo dục (*học phí*), kể cả ngân sách cấp bù học phí theo chế độ, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 theo từng lĩnh vực chi

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2021 theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được cấp thẩm quyền giao, trong đó, đánh giá chi tiết, cụ thể các nhiệm vụ kinh phí giao không tự chủ (*nhiệm vụ chi sự nghiệp tập trung, kinh phí hoạt động đặc thù, kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách của cấp thẩm quyền ban hành…*); bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ các nhiệm vụ chi phát sinh để ứng phó với đại dịch Covid-19, phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn trong 6 tháng, dự kiến cả năm 2021; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện.

b) Đánh giá việc thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

c) Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2021, cụ thể:

- Đối với các chế độ, chính sách an sinh xã hội: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ trong năm 2021; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Tiến độ triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo chỉ đạo, giao nhiệm vụ của UBND tỉnh tại văn bản số 1528/UBND-HTKT ngày 18/6/2019; các khó khăn, vướng mắc.

- Tình hình triển khai đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kế hoạch số

740/KH-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình 53-Ctr/TU ngày 21/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế thực hiện trong giai đoạn 2016-2021 theo qui định[(1)]. Tình hình triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị (*Nghị quyết số 39-NQ/TW*) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các đơn vị tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

(1) Về thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2021:

- Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo bao gồm: Bao gồm: Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213; kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013; Kinh phí thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018, và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; Kinh phí thực hiện chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em người dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (*BHYT*) cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội; chi tiết kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng nghèo đa chiều thiếu BHYT và không thiếu hụt BHYT; Chính sách hỗ trợ từ NSĐP cho các đối tượng mua BHYT phần cá nhân tự đóng.

[(1)]Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP), số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (Nghị định số 143/2020/NĐ-CP), số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội

- Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; Chính sách miễn thu thuỷ lợi phí; Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; Chính sách người có uy tín; Chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Chính sách đối với trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020…;

- Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể, chính xác đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2021 (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính; lưu ý đối tượng tăng, giảm do thay đổi địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc*).

(2) Báo cáo cụ thể việc sử dụng dự phòng NSĐP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống dịch bệnh Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng NSĐP đến ngày 31/7/2021, số dự kiến sử dụng trong các tháng cuối năm 2021.

(3) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định.

(4) Kết quả thực hiện các kế hoạch, đề án, chính sách do địa phương (HĐND tỉnh) ban hành trong năm 2021 và giai đoạn 2016-2021 như: Đề án nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 được kéo dài tại Nghị quyết số 57/2020/NQ-HĐND; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND; Đề án trồng cây dược liệu; Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum…; trong đó nêu rõ đề án, chính sách hết hiệu lực đến năm 2021 và còn tiếp tục thực hiện năm 2022, …; Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

1. Yêu cầu xây dựng dự toán:

- Dự toán NSNN năm 2022 (năm đầu giai đoạn ổn định 2022-2025) được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình số 28-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững"; Kế hoạch số 2007/UBND-KT ngày 28/7/2017 v/v sửa đổ, bổ sung

Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 740/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình số 53-CTr/TU ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW "về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập".

- Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2021; các định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025, các đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2022, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán; chủ động dự kiến dự toán đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định, cho chủ trương triển khai thực hiện.

2. Về dự toán thu NSNN:

- Phấn đấu dự toán thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (đã dự kiến các tác động điều chỉnh chính sách thu theo các chủ trương hiện hành) tăng tối thiểu 6-8% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021.

- Chi Cục thuế huyện và phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách, rà soát, dự báo, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, đặc biệt là các nguồn thu mới dự kiến phát sinh từ năm 2022.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các đơn vị nhưng các đơn vị phải lập biểu dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

(1) Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới (2022-2025) theo quy định của Luật NSNN. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSĐP phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, giai đoạn 2021-2025 của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Xây dựng dự toán chi NSĐP trên cơ sở quy định của pháp luật về NSNN; căn cứ định hướng các mục tiêu của

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân của huyện; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSĐP năm 2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2021, xây dựng dự toán chi NSĐP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành. Trong đó lưu ý:

- Lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thực hiện tự chủ (*cơ quan hành chính nhà nước*) và kinh phí hoạt động không thường xuyên (*các đơn vị sự nghiệp*), gồm: các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ phục vụ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, kinh phí hoạt động đặc thù, kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách của cấp thẩm quyền ban hành (*kèm thuyết minh cụ thể: nội dung chi, số lượng, định mức (đơn giá), thành tiền*).

* Đối với công tác lập dự toán sửa chữa trụ sở làm việc, xe ô tô:

- Đối với công tác sửa chữa xe ô tô: Văn phòng HĐND và UBND huyện; Văn phòng Huyện ủy căn cứ vào số lượng xe ô tô hiện có (*đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức được sử dụng quy định*) và tình hình thực hiện sửa chữa qua các năm, đối chiếu với quy định về thời gian sửa chữa xe ô tô, đơn vị sử dụng xe ô tô phối hợp Sở Giao thông - Vận tải, Sở Tài chính tiến hành giám định tình trạng kỹ thuật xe ô tô làm cơ sở để lập thủ tục trình bố trí dự toán sửa chữa, hồ sơ trình gồm:

- Tờ trình đề nghị bố trí kinh phí sửa chữa xe ô tô trong dự tóan chi ngân sách năm 2022 (*nội dung đề xuất sửa chữa tài sản cần thể hiện các nội dung chính như: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng; Tên tài sản, chủng loại (Nhãn hiệu/ Model/ Mã hiệu, Biển kiểm soá*t); Năm đưa vào sử dụng; Nguyên giá, Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đến ngày 31/12/2020; Thời gian sửa chữa lần trước (*nếu có*); Hiện trạng; Nội dung cần sửa chữa; Giá dự toán.

- Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật xe ô tô do Sở Giao thông - Vận tải, Sở Tài chính và đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô lập.

- Bảng tính toán chi tiết kinh phí sửa chữa xe ô tô (*03 báo giá chi tiết sửa chữa xe ô tô của cơ sở sửa chữa*).

* Đối với nhu cầu sửa chữa trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị: các cơ quan, đơn vị căn cứ vào thực trạng trụ sở làm việc tại cơ quan, đơn vị mình và quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh và Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày ngày 18 tháng 9 năm 2017 quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất để lập các thủ tục đề nghị bố trí kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc gửi UBND huyện. Hồ sơ trình bố trí kinh phí sửa

chữa gồm:

- Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng, tài liệu bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị bố trí kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc trong dự toán chi ngân sách năm 2022.

+ Văn bản phê duyệt (*chủ trương*) của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh: Tên công trình, mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Biên bản đánh giá hiện trạng công trình của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài chính – Kế hoạch và đơn vị quản lý, sử dụng trụ sở làm việc.

+ Bảng khái toán xác định tổng mức sửa chữa do đơn vị tư vấn xây dựng lập.

- Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến 1.000 triệu đồng:

Ngoài các tài liệu theo quy định đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng; cơ quan, đơn vị gửi thêm quyết định phê duyệt dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng kèm theo dự án (*hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật*).

(2) Dự toán chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2022 (trường hợp chưa được giao biên chế năm 2022 thì xác định bằng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2021), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2021, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế giao (*đơn vị phô tô quyết định cấp thẩm quyền giao biên chế kèm hồ sơ dự toán gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch*). Theo đó, dự toán giao quỹ tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp năm 2022 sẽ được rà soát lại theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2022, và kết hợp rà soát số biên chế được giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế thuộc đợt II năm 2021.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (*của 12 tháng*) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2021, đồng thời sẽ cập nhật rà soát lại theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2022, và kết hợp rà soát số biên chế được giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế thuộc đợt II năm 2021. Đối với quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển (*trong phạm vi tổng mức biên chế được giao*) được xác định trên cơ sở mức lương 1.490.000 đồng/tháng với hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp tính theo lương theo

quy định (*nếu có*) cùng các khoản đóng góp.

+ Thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (*cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác*) năm 2022 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

(3) Đối với các Hội đặc thù: Lập dự toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và nhiệm vụ được UBND huyện giao tại các quyết định cụ thể.

(4) Dự toán chi hoạt động năm 2022 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (*Nghị định số 60/2021/NĐ-CP*). Trong đó lưu ý:

- Thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi sự nghiệp tập trung, hoạt động chuyên môn của ngành (*cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác*) năm 2022 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN hằng năm.

(6) Đối với các chính sách giáo dục và Đào tạo: Ngoài các chính sách, chế độ đã thực hiện các năm qua, đề nghị tổng hợp báo cáo thêm kinh phí thực hiện các chính sách nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;...

- Báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội hiện hành, các chính sách mới phát sinh trong năm 2021 và nhu cầu năm 2022 để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP theo quy định của pháp luật.

(7) Rà soát các đề án, chính sách do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành đến hết năm 2021 kết thúc, tập hợp các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, chính sách ban hành mới thực hiện từ năm 2022 của cấp có thẩm quyền; theo đó các đơn vị, địa phương tổng hợp, xây dựng dự toán bố trí kinh phí thực hiện cho năm 2022 đảm

bảo theo quy định, phù hợp với khả năng nguồn lực NSĐP năm 2022 và tình hình thực tế của địa phương.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2022-2024

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2021-2023; dự toán thu NSNN năm 2022 đồng thời đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2016-2021, trong đó có tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2021.

- Loại trừ yếu tố thay đổi chính sách, thu nội địa (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT*) tăng bình quân khoảng 8-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021; tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 4-6%/năm trong giai đoạn 2022-2024. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Lập các biểu kèm theo Văn bản hướng dẫn này.

- Các cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng báo cáo gửi về UBND huyện (*qua Phòng Tài chính - Kế hoạch*) ***trước ngày 09/08/2021*** để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo về Sở Tài chính theo quy định.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP;
- Phòng TCKH (t/h);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Tường